

## PHẨM AN LẠC HẠNH

Chia làm ba môn :

1. Vì sao có phẩm này
2. Giải thích tên phẩm.
3. Giải đáp chương nạn.

### **I. Vì sao có phẩm này có năm:**

1. Là khoa đầu trong ba lưu thông. Bốn phẩm trên khen ngợi tôn trọng lưu thông, từ dưới bảy phẩm học hạnh lưu thông, học mở rộng kinh này chánh hạnh trợ hạnh không để bị tổn thương. Dù đã khen ngợi tôn trọng nếu không nói sở học năng hành hành vi ác hoằng kinh, đời mặt pháp phần nhiều khó khăn thường sanh tổn hoại, không thể mở mang, cho nên nói bảy phẩm học hạnh lưu thông:

- a. An lạc hạnh.
- b. Dũng xuất.
- c. Tuổi thọ.
- d. Phân biệt công đức.
- e. Tùy hỷ công đức.
- f. Pháp Sư công đức.
- g. Thường Bất Khinh.

Một phẩm An Lạc Hạnh là học hạnh mở rộng kinh, sáu phẩm Dũng xuất cho đến nói người năng hành trì kinh. Người do pháp để thành đức, pháp nhờ người để hoằng tuyên, nếu không hành theo sở học, người kia do đâu mà kiến lập đức, nên phẩm An Lạc hạnh hành để học. Nếu không có người năng hành thì pháp kia không do đâu mà lưu bố rộng cho nên Dũng xuất cho đến là nói người năng hành, nên sau phẩm trước có phẩm này.

2. Khoa sau mười chín phẩm làm chánh tông, trong đó có ba: Trên mười hai phẩm nêu cảnh Nhất thừa xong, kế ở dưới hai phẩm nêu hạnh Nhất thừa. Phẩm An lạc hạnh nêu hạnh sở hành, sau phẩm Dũng xuất nêu người năng hành cho nên tiếp có hai phẩm này.

3. Vì trừ trong bảy nhiệm mạn, thứ sáu là người tập công đức, nghĩa là người có công đức nói pháp Đại thừa mà chấp phi Đại thừa tăng thượng mạn vì đây nói hạt châu trong búi tóc. Cầu quả tam thừa là hạng người nhóm họp công đức. Xưa tuy tướng chung vì nói Đại thừa, tâm kia chưa quyết định lui sụt hay hướng về Nhất thừa mà sẽ vì thắng chấp phi Đại thừa, nói công huân nhỏ ít nên chỉ ban cho các vật khác. Như nay đã phát tâm định ưa thích Đại thừa lập công đã lớn nên cõi

viên ngọc mà cho. Luận nói người thứ sáu nói pháp Đại thừa dùng pháp môn Nhất thừa này ban cho, khiến hàng Nhị thừa đồng thập địa hạnh mãn. Nay đức Như-lai thâm giải thích như cỏi viên ngọc mà cho, nên có phẩm này.

4. Luận giải đệ thập vô thượng, lực trì trong bảy lực nghĩa là phẩm pháp Sư, An lạc hạnh, Phẩm trì. Phẩm An lạc hạnh nói hạnh sở trì, trước phẩm Trì đã nêu năng trì thì sẽ có hạnh sở Trì, cho nên có phẩm này. Tức văn bốn hạnh An lạc, đây là văn còn lại. Trước nói viên ngọc là văn sau.

5. **Luận chép:** Sáu là thị hiện nói vô thượng cho nên nói chỉ cho viên ngọc trong búi tóc cho, dùng pháp này ban cho như cỏi viên ngọc cho, pháp sở nói lại vô thượng. Tuy văn có khác nhưng đều nói châu, là phần còn lại của phẩm trước, nên có phẩm này.

**II. Giải thích tên gọi:** Lìa nguy nan sợ hãi gọi là an, thân tâm ưa thích gọi là lạc, oai nghi đáng làm khuôn mẫu lời nói có phép tắc, tâm trừ dòng siểm mạn, ý chí chứa từ bi, duyên từng trải không dừng lại gọi là hạnh. An lạc là quả, hạnh là nhân. An lạc hạnh là y chủ thích. Nếu khi tu nhân lìa các nguy hiểm sợ hãi, thích hợp thân tâm gọi là An lạc hạnh, tức trì nghiệp giải thích. Hành thông suốt đi ngay thẳng, hành kinh này thì thấu hoạch an lạc.

**III. Giải đáp chương nạn:** Hỏi: Phẩm này cũng nêu việc cỏi viên ngọc vì sao không lấy đó đặt tên phẩm? Đáp: Vì nêu thắng hạnh khen ngợi kinh thắng đức chẳng muốn đổi cơ chính nêu việc viên ngọc cho nên chỉ lấy tên An Lạc Hạnh đặt tên.

- Kinh: “Lúc bấy giờ cho đến năng nói kinh này”.

- Tán: Trong phẩm này phần lớn văn chia làm hai: Trước khái thỉnh sau chỉ bày. Đây là phần đầu có hai: Trước tán dương việc ít có sau thỉnh nói nghi thức. Vì sao nói đời sau không có tổn thương.

- Kinh: “Đức Phật bảo ngài Văn-thù cho đến an trú trong bốn pháp”.

- Tán: Dưới chỉ bày có hai: Trước nhân hỏi Phật bảo bốn hạnh an lạc, sau cuối phẩm tụng, trong đó có hai hàng rưỡi tụng nhân tiên tổng bảo tướng quả an lạc. Tức câu “Người đọc kinh này thường không ưu não cho đến” Phần đầu bảo có ba: 1. Nêu đáp. 2. Hiện đáp. 3. Kết đáp. Sau kia hiển quả an lạc, tụng tiếp trước một rưỡi “sau khi ta diệt độ cho đến” đây tức là văn đầu, bốn pháp: Dưới bốn đoạn văn, đều có văn xuôi và kệ tụng mỗi mỗi là một hành: 1. Chánh thân hành. 2. Chánh ngữ hành. 3. Ý lìa hành vi các ác tự lợi. 4. Tâm tu các thiện lợi tha hành. Do

bốn hạnh này nhiếp hết các hành. Do ngay thẳng nên không có ác nào không lia, tự lợi hạnh mãn, do từ bi nên không có thiện nào không sanh, lợi tha hạnh mãn. Kinh từ nghĩa thù thắng nói thứ ba là ngay thẳng, thứ tư từ bi, thật sự đều thông. Căn cứ văn kinh ở dưới, trong phần đầu nói thân hành cũng nêu rõ tâm hành là thời giáo hành. Tâm kia an trú môn không hữu, do trú hai môn lấy làm căn bản dẫn các hành khác sanh; chẳng phải hạnh đầu cũng thông nơi tâm, hạnh đầu chỉ nêu lia thân hành ác tu thân hành thiện, cho nên ở trong bốn hạnh đều nên nói có không hữu hai thứ, chỉ ở trong hạnh đầu nói hành không hữu, theo lệ ba hạnh còn lại đều có đầy đủ. Cho nên trú không hữu hai thứ là tu bốn hạnh, thông vận thân tâm. Bốn tên pháp: Pháp nghĩa là chấp trì, pháp là sở y, ba nghiệp là năng y, hai thứ này đều là hành sở hạnh. An là an xứ, trú là y chỉ, năng hành hạnh là an ở ba nghiệp, y trong bốn hạnh gọi là an trú bốn pháp. Hoặc pháp là nghĩa nhân, chủ yếu các Bồ-tát trước quán nhân pháp hai sự, thể không, tùy theo khả năng thân lia tà ác, nói hợp phép tắc chánh thiện, diệt tướng đối gạt khởi tâm từ bi như dứt tự ung nhọt lia chê bai hủy báng mở mang đại giáo mà chưa thôi, nhiều đời lợi ích mà không thoái mất là đại ý trong đây. Lại trước Phẩm Pháp Sư nói vào nhà Như-lai, tức là thứ tư đại từ bi tâm, mặc áo nhu hòa nhẫn nhục của Như-lai, ngồi tòa pháp không của Như-lai, đây là thứ nhất thông hành, diệt vọng tướng nơi không môn, khởi chân tâm nơi của hữu, cho nên có thể dùng thân ngữ điều (hòa) mà lợi cứu giúp tâm ý thuận mà đạo viên mãn. Đây là lý do.

- Kinh: “Một là cho đến giảng nói kinh này”.

- Tán: Giải thích thân hành trong đó có ba:

1. Nêu hành xứ, gần gũi xứ.

2. Giải thích riêng.

3. Kết cuối sau năm câu tụng, hoặc có bốn văn kinh văn xuôi, nay chọn là tụng làm chánh nêu đây. Xứ là xứ sở tức pháp trước, là nơi các hành tam nghiệp nương tựa thật hành, nơi đáng gần gũi, hành là du hành, an nghỉ hoặc trở lại đạo lý. Như thế gian nói: Ông làm ở đâu? Ý nói thuộc hành ở đạo lý nào! Kia nói bất cứ lúc nào tâm cũng thường du hành, an nghỉ trong xứ sở này, hoặc an tâm thần ở trong xứ sở đạo lý nên gọi là hành xứ. Thân là gần gũi phụ giúp, cận là huân tập gần gũi, xứ nghĩa đồng trước. Hành là thân tâm sở ứng gần gũi phụ giúp huân tập cận xứ gọi là gần gũi xứ. Hành nghĩa là bên trong thật hành chành vi ác an nghỉ thân tâm, gần gũi nghĩa là cảnh bên ngoài, ngoài duyên thân gần huân tập, đây hai thứ thô tướng sai khác, thân hành có thân sở,

có chung riêng gọi là gần gũi xứ, ba thứ còn lại không như vậy. Chỉ gọi chung An lạc hạnh.

- Kinh: “Văn-thù-sự-lợi cho đến là chỗ hành xứ của đại Bồ-tát”.

- Tán: Trong biệt giải thích chia làm hai: Trước nêu hành xứ sau gần gũi xứ. Hành xứ tức là nhân chung của bốn hành, khi khởi bốn hành phải y môn đây mới sanh khởi.

Hành xứ có ba: 1. Hối. 2. Giải thích. 3. Kết. Đây là hối.

- Kinh: “Nếu vị Đại Bồ-tát cho đến lòng chẳng kinh sợ”.

- Tán: Dưới giải thích có ba: Trước tu hạnh hữu, kế tu hữu không, sau cả hai hữu đều trừ bỏ. Đây là phần đầu, chỉ tu hạnh hữu, vì phi không nên chấp trước sanh tử không có chứng đắc. Chỉ tu hạnh không, vì phi hữu nên chấp trụ Niết-bàn. Không có lợi tha. Muốn nói rõ quán cả hai Không Hữu mà không chấp trước, khác nhau phạm phu và Nhị thừa. Như Kinh Vô Cấu Xứng nói: Hành không trú đạo. Lại chỉ tu hạnh hữu do phi không nên vọng tưởng càng thêm lớn, chỉ huân tu hạnh không vì phi hữu nên chân tâm không có nhân mà không sanh. Cho nên để diệt vọng tưởng nơi không môn, khởi chân tâm nơi cửa hữu, hữu không song quán mới thành Trung đạo tức là hành xứ đây.

Tu hạnh hữu có bốn:

1. Trú nhẫn địa, lại như khi nói pháp có oán hại, năng nhẫn, khổ ép ngại năng chịu, để pháp năng ấn.

2. Nhu hòa khéo thuận: Thân tùy hạnh mẫu nói lời hay khéo, tâm không nghĩ ác, ngoài lìa thô thiển gọi là nhu hòa, trong khéo hợp huyền tôn gọi là khéo thuận.

3. Mà không vụt chạc: Nghĩa là không bộc phát cử chỉ thiếu kềm chế, suy nghĩ, với ba nghiệp phi lý đã chưa khéo đủ thì mỗi khi khởi đều phải xét kỹ, thông thả tư duy, trí là dẫn dắt trước, rồi sau động phát chánh kiến tiến lên, biết khó dễ, tiến lùi hợp thời, dù tư duy có khởi cũng không phi lý gọi là không vụt chạc (hấp tấp).

4. Tâm cũng không kinh sợ: Dù đối với Đại nghĩa từng chưa nghe người khác cất vấn trái với tông, ngược với mình, hoặc họ cúng dường, gần gũi, đánh mắng, hơi trái nghịch, danh lợi, oai thế, hủy nhục, xua đuổi, lợi suy, hủy dự, xưng cơ hiểm, khổ lạc, với tất cả các thứ này đều an ổn vững chắc bất động, tâm cũng không sợ. Nên có tụng nói: “Chư Phật thường đạo khắp thế gian, lợi lạc tất cả loài hữu tình, tám pháp nhiệt phong tà phân biệt, không thể khuynh động không chấp ngại.” Hoặc trú nơi nhẫn nhục địa là câu tổng, là biệt nói thường nhu hòa, thân khéo thuận an mà không kinh sợ, trong tâm thường cũng không sợ, ba

nghiệp thuận lý đây mà hành nơi hữu, thì có kinh nào mở mang truyền bá mà gặp chướng ngại! Nhẫn nhục gọi là địa, địa là nghĩa sở y lớn lên, lấy nhẫn làm nương tựa lớn lên thiện, dụ cho địa. Lại nói từ dụ đặt tên, khi hành nhẫn như đất mà nhẫn chịu thuận, trái bất động, cho nên đào hang sâu mà đất không giận, dựng nhà cao mà đất chẳng thích, gặp muôn vật mà đều chuyển tải, nhậm trì đức dụng càng lớn, đào bởi bị quấy nhiễu mà phát ra suối ngọt, gieo trồng xong đất chẳng mong mỗi ban cho. Cho nên hành ba nhẫn nêu đất đặt tên đáng nên suy nghĩ kĩ, đáng gọi là Đại Bồ-tát. Hoặc địa nghĩa là vị, ở trong tất cả địa vị thường hành nhẫn.

- Kinh: “Lại ở nơi pháp không cho đến tướng như thật”.

- Tán: Đây là nói tu hạnh không. Hành là nghĩa phân biệt chấp trước. Đối với pháp không phân biệt: Ở trong tất cả pháp chỉ thấy chúng sanh và pháp đều không mà không phân biệt chấp trước là có, mà quán các pháp tướng như thật, tức là đã quán ngã pháp hai không làm môn, lại quán tánh Như-lai tạng của các pháp. Chân lý pháp thể tướng như thật, thể pháp, ngã không có gọi là Không, Như-lai tạng kia gọi là tánh không. Chẳng quán hai môn không chẳng thấy tánh chân không, cho nên hai thứ này đồng gọi là quán không.

- Kinh: “Cũng chẳng thực hành không phân biệt.”

- Tán: Trên nói quán không, hữu, sợ đắm trong không hữu cho nên nay quán bỏ cả hai, nghĩa là tuy quán không mà cũng không vin theo chấp đắm vào không, tuy quán hữu mà không phân biệt chấp đắm trong hữu, tương ứng đều vô trú mà nêu pháp quán. Nếu có sở trụ thì là phi trú, cho nên dưới có tụng rằng: Tuy y theo người không pháp không giải mà hai thứ này gọi chung nơi pháp mà không phân biệt vin theo, nhiếp theo lý không trái. Lại nữa đối với pháp, không phân biệt quán các pháp không. Tụng nói: Không hành thượng, trung, hạ, pháp hữu vi vô vi, cũng không hành, không phân biệt. Như thứ lớp tức không hành phân biệt ngã, ngã sở, quán chúng sanh là không. Tụng nói: Cũng không phân biệt là nam hay nữ. Do quán hai ngã, pháp này là không liền chứng tánh như thật của nhị không. Lại đối với pháp không phân biệt, nghĩa là không phân biệt nói pháp chỉ quán nghĩa chân như thật tướng, cũng không phân biệt là người được thọ hóa. tức quán ba sự hai thứ người, pháp thể tánh là không, mà quán chân như thật tướng là hữu. Lại tất cả pháp có hai: Vọng và chân, đối các pháp vọng nên không phân biệt chấp trước để xả bỏ các vọng, đối pháp tánh chân nên thường quán sát cầu chứng đắc. Tuy gây ra hành vi này cũng không tạo hạnh

chân trí đối với thật tướng chấp là hữu, cũng không tạo Tục trí, hành phân biệt chấp là không. Cho nên Bát-nhã chép: Nên vô sở hành mà hành đó gọi là hành, không hành nên chẳng có chỗ nào, không hành, không phân biệt nên chẳng có chỗ nào không phân biệt. Không hành không phân biệt nên vọng huyễn đều trừ, không chỗ nào, chẳng hành, chẳng phân biệt nên chân tế đều đạt. Do đó, song tu chiếu rõ tất cả, nơi sự y tha trú hẳn địa cho đến nơi lý thành thật quán như thật tướng, người pháp sở chấp đều soi chiếu là không.

- Kinh: “Đó gọi là Bồ-tát cho đến hành xứ”.

- Tán: Đây kết.

- Kinh: “Thế nào gọi là Đại Bồ-tát cho đến thân cận”.

- Tán: Dưới nói chỗ gần gũi có hai: Hỏi và giải thích. Đây là hỏi.

- Kinh: “Vị Đại Bồ-tát cho đến cuộc chơi biến hiện”.

- Tán: Dưới giải thích có hai:

1. Lìa duyên ác bên ngoài không thể gần gũi xứ, ngược lại nói lên không lìa duyên lành bên ngoài, có thể gần gũi xứ tức là cảnh ở cõi người.

2. Ngoại quán chân pháp có thể gần gũi xứ ngược lại hiển ngoại quán vọng pháp không thể gần gũi xứ, tức là cảnh pháp, lẫn nhau nói lên tức chia làm hai. Nhưng quán chân pháp nên có cả các hành khác, dẫn chung cả bốn hạnh. Dựa vào theo hạnh đầu mà rõ ràng không chỉ hành này. Văn đầu lại có hai: Giải thích và kết. Lìa các duyên ác bắt đầu tu giới hạnh, thường ưa ngôi thiên, kế tu định hạnh, sau gần gũi xứ quán cảnh không cho đến mới tu tuệ hành.

Đầu văn chia làm ba: Bốn phần đầu là một đoạn, kế một là một đoạn, sau năm là một. Trong phần đầu lại có hai: Nói lìa bốn và nêu không lìa. Trong đây có ba lìa:

1. Tổn hại duyên.

2. Ác kiến duyên.

3. Hoại loạn duyên.

Bồ-tát tuy lại giáo hóa khắp chúng sanh nhưng mới tu hành thì phải phân biệt, người học không lâu cũng giống như vậy. Lại ở đây chấp nhận cho nói pháp dẫn dắt chúng sanh lợi lạc, mà chỉ hòa quang nhưng không được thuận theo đồng trần giao hảo, do đó lìa, ngăn đầu không ngăn sau, ngăn đồng không ngăn khác, ngăn thuận không ngăn trái, cho hóa độ mà không giao hảo nên không trái nhau. Nếu gần gũi vua cho đến hoặc chỉ tăng thêm sự tổn hại như trong luật nói. Nếu vào cung vua thì có mười lỗi. Ngô Vương đồng kéo xe để một đời vinh hiển

Tần chúa nhường vợ chịu sĩ nhục ngàn năm, ngoại đạo tà nhân thường dò xét pháp thiếu sót lầm lỗi, cho nên luật không cho tự tay trao thức ăn hưởng chi là gần gũi. Ni-kiền-tử: Là ngoại đạo ly hệ. Viết sách thế tục: Là các loại thi ca làm văn, văn khắc trên bi thuộc bút viết. Thư theo Chu lễ có sáu nghề, năm gọi là lục thư nghĩa là hình tượng, biên chép nơi tre lụa cho đến như trong âm giải, nay nêu loại kia bốn phương Tây khác với ở đây. Lộ-già-da-dà: trước nói ác đáp đối với người, chánh nói lộ ca cũng là để ca dịch là ngoại đạo thuận thế. Nghịch lộ-đà-da-đà: Trước nói ác trưng cầu hỏi người, chánh nói phược ma lô ca cũng là để ca, nói ngoại đạo Tả Thuận Thế chấp trái với trước nên gọi là tả (trái) thuận thế tục. Dưới một là nói xuyên suốt cả hai xứ trên. Na la cho đến là thân múa vẽ văn hoa. Biện hiện vui chơi là làm trò huyền thuật thế gian. Hung là ác. Nay đây từ đầu có gây ra lỗi hung ác nguy hiểm. Kinh A-hàm nói bậc trí trong lòng thường lo lắng sợ như trong ngục tù, kẻ ngu thường vui vẻ hơn hở như ở cõi trời Quang âm. Người trạo hý như voi trâu lừa không bị buộc móc câu vào mũi nên khó có thể cấm chế. Lại kệ nói: Ông đã cắt tóc mặc áo hoại sắc cầm bát đất đi khát thật vì sao ưa đấm pháp chơi đùa, đã không có pháp lợi ích mất công đức do đó không nên đâm nhau đánh nhau.

- Kinh: “Lại không gần gũi cho đến các luật nghi ác”.

- Tán: Nói nghiệp duyên ác. Chiên-đà-la dịch là người giết mổ không có luật nghi, nói đúng là Chiên-đồ-la, hán dịch là nghiêm sĩ, nghiệp ác tự hành trì nêu cờ, lay chuông linh đồng cầm cây trúc gọi là tự nêu, trong đây nêu ra sáu thứ, tạp tâm có mười hai, nghĩa là người mổ dê, nuôi heo - gà, bắt cá - chim, thợ săn, trộm cướp, kẻ đầu cơ, người giữ ngục, chú rồng, giết chó, rình săn.

Kinh Niết-bàn có mười sáu thứ: Trâu dê heo gà làm lợi nên mua, nuôi cho béo rồi đem bán, vì lợi nên mua, mua rồi giết mổ, tức là tám thứ trước. 9. là câu cá. 10. Thợ săn. 11. Cướp đoạt. 12. Kẻ đầu cơ. 13. Bắt chim. 14. Nói hai lưỡi. 15. Ngục tốt. 16. Chú rồng. Đối pháp quyển tám nói có mười bốn: Giết dê, nuôi heo, bắt chim, bắt cá, săn hươu, đặt bẫy, trộm cướp, đầu sỏ, hại trâu, trói voi, lập đàn, chú rồng, giữ ngục, gây chuyện, ưa làm tổn hại cho đến ý văn này nói, ý suy diễn rộng lại tổn hại sâu, đấm chấp lợi chướng khi sắp qua đời thân vẫn không dừng đều gọi là không có luật nghi cho nên nói ưa làm tổn hại cho đến Nên Kinh này nói các luật nghi ác. Lược âm ngữ lại là bắt. Lại điền lạp là săn bắn, ngữ bộ là chài lưới.

- Kinh: “Những người như thế cho đến không có tâm mong cầu”.

- Tán: Đây là nói không lia, cho hòa quang hóa độ ma không cho đồng trần nên không gần gũi.

- Kinh: “Lại không gần gũi cho đến không có tâm mong cầu”.

- Tán: Đây là đoạn thứ hai, trước lia sau không lia. Nói người có duyên. Kinh Niết-bàn chép: Bồ-tát sợ Nhị thừa như tiếc thân mạng người. Tịch Điều Âm Thiên tử Sở Vấn kinh chép: Đức Phật bảo Văn-thù-sư-lợi thí như có người đói khát tiêu tụy, chịu đói khát chứ không hề ăn thức ăn có độc trộn lẫn, Bồ-tát cũng như vậy, thà sễn tiếc gan ghét phá giới ác khẩu đọa lạc vong niệm vô trí chứ không bao giờ hy vọng mong cầu quả vị Nhị thừa. Phật bảo Thiên tử, như người tham ăn là chất độc của Luân vương; cho nên người Nhị thừa trì giới tinh tấn tức là Bồ-tát phá giới đọa lạc nên không được gần gũi, cho đến vì nói pháp không mong cầu gần gũi lợi dưỡng cung kính.

- Kinh: “Văn-thù-sư-lợi cho đến, để làm thân hậu”.

- Tán: Đoạn thứ ba, đầu lia thứ sáu nhiễm duyên lâu dài, thứ bảy duyên vô dụng, thứ tám duyên hiềm trách, thứ chín duyên không phép tắc, thứ mười tán loạn duyên. Sau nêu tự hành. Trong năm thứ lia văn này có hai: Là duyên thứ sáu, thứ bảy. Thập tụng luật nói: Thí như người ăn thức ăn chín tất cả người nữ cũng giống như vậy khiến người ưa đắm không thể lia bỏ. Luận Trí độ nói: gió mát không có hình còn có thể bắt được, rắn độc còn có thể xúc chạm nhưng tâm người nữ khó có thể chạm được. Cầm đao kiếm chiến đấu giặc địch còn có thể đánh thắng, giặc nữ hại người khó có thể ngăn cấm.

Luật Tứ Phần nói: Thường đến nhà người tại gia có năm lỗi:

1. Thường thấy người nữ.
2. Thấy thường gần gũi.
3. Chuyển dần thân hơn.
4. Liên nghĩ việc dâm dục.
5. Hoặc khi đến chết gần chết khổ não, cho nên phải xa lia.

Năm hạng người bất nam: sanh tiện, trừ khứ, ganh ghét, bán nguyệt, quán sái. Do có hai lỗi nam nữ phiền não thường cùng hành, người tốt khó được, không phải pháp khí, cho nên không được thân gần.

- Kinh: “Chẳng một mình vào nhà người cho đến cũng chẳng thích đồng thầy với chúng nó”.

- Tán: Trong đây có ba: Duyên thứ tám, chín và mười. Luận Du-già nói: Nên lia mười bốn cấu nghiệp tàn ẩn sáu phương, lia xa bốn bạn ác nhiếp bốn bạn lành. Lia mười bốn cấu nghiệp. Trường A-hàm nói:



Thân ngữ ý nghiệp có bốn: Sát, đạo, tà, dâm, vọng ngữ, không y các thứ này làm các việc ác. Nhân ác có bốn: Tham, sân, si, mạn, không y bốn thứ này khởi ác nghiệp.

Lìa sáu thứ làm tổn hại tài pháp:

1. Mê uống rượu.
2. Đùa giỡn.
3. Phóng đãng.
4. Mê chấp kỹ nhạc.
5. Bạn Ác tổn hại nhau.
6. Thuận theo kia nói.

Trong sáu thứ này đều có sáu thứ như vậy hợp thành mười bốn cấu nghiệp. Tàng ẩn sáu phương. Trường A-hàm nói trong thành La-duyệt có con trưởng giả tên là Thiện Sanh, tương truyền thời xưa vào mỗi buổi sáng thường lễ sáu phương, khiến thần trong sáu phương thường hộ gia nghiệp. Một hôm tình cờ bỗng nhiên gặp Phật có phương pháp gì không: Đức Phật đáp có cùng ông khác nhau. Cha mẹ là phương Đông, Sư trưởng là phương Nam, vợ con là phương Tây, bạn thân là phương Bắc, nô bộc sai sử là Hạ phương, Sa-môn cao đức là Thượng phương. Trong sáu phương mỗi phương đều có năm việc, thường tàng ẩn trong sáu phương này, không sanh kiêu học, mà tùy kia thích ứng, hoặc năng trú trong sáu phương này nên nói tàng ẩn.

Xa lìa bốn bạn ác: Trường A-hàm nói:

1. Như gần gũi bạn ác sợ mà phục, thật không có ý gần gũi.
2. Nói tốt với bạn ác, thuận lời trái ý.
3. Kính thuận bạn ác, tâm tuy kính thuận nhưng việc làm thiện ác đều từ vô tướng can ngăn tâm.
4. Đồng sự bạn ác. Làm bạn với việc ác hoặc đồng uống rượu đùa giỡn dâm dật phóng đản cho đến ca vũ cho đến Trong bốn thứ này mỗi thứ có bốn, nói bốn việc đáng ác thường nên xa lìa.

Nhiếp bốn bạn lành: Trường A-hàm nói:

1. Ngăn bạn không tốt, ngăn các việc ác.
2. Thương xót bạn lành linh đình khổ sở.
3. Lợi người bạn lành việc vui cùng nhau vui.
4. Đồng sự bạn lành việc thiện đồng nhau.

Trong mỗi hứ đều có bốn, đều rộng như kia không cần nói nhiều.

- Kinh: “Thường ưa ngồi thiền cho đến đó gọi là chỗ gần gũi ban đầu”.

- Tán: Đây nêu tu định hạnh và kết. Thường xa lìa nơi ồn ào ưa

ở chỗ vắng khuyên người sơ học nên tự tĩnh trú, khuyên người học lâu thân tuy ở chỗ ồn ào mà tâm thường vắng lặng. Lý thật bốn hành các ác đều lia, các thiện đều tu, lại bàn luận nói, kinh phần nhiều phát khởi, cho nên văn trên dưới chỉ nói hành vi ác để khuyên tu tập, trên nói cảnh người, dưới nêu cảnh pháp.

- Kinh: “Lại nữa cho đến chẳng chuyển”.

- Tán: Thứ hai gần gũi xứ. Trong học Tuệ hạnh có hai: Trước dạy quán sau kết. Dạy quán đầu tiên không quán sau hữu quán là quán chân tục hai đế. Không quán có mười tám câu làm ba giải thích. Trong đây chỉ quán biến kế sở chấp không, nói lên pháp chân như vô tướng nhất thể, dưới hữu quán mới dạy quán việc thế tục. Trong mười tám câu chia làm tám loại, đây có hai loại: ba câu đầu y ba tánh để hiển chân, do chân thể mẫu nhiệm tự tánh khó biết nên y thuyên hiển. Câu đầu y Biến kế sở chấp không để nói lên hiển người pháp đều không. Câu thứ hai Viên thành thật tánh. Câu thứ ba tánh Y tha khởi nhiệm pháp điền đảo, chân như tịnh pháp không điền đảo, kế ba câu y thường trú để hiển chân, hữu vi có ba phẩm: trung phẩm có thể biến động, có thể tùy hạ phẩm thối bại, có thể tùy thượng phẩm tiến chuyển, vô vi thì không như vậy.

- Kinh: “Như hư không ch có tánh thật cho đến chẳng khởi”.

- Tán: Ở đây có ba loại: Một câu đầu lia hai thứ đặc để hiển chân như, hư không chẳng có tánh năng đặc sở đặc. Kế một câu nêu nội chứng để hiển chơn như, danh ngôn không sánh bằng, chỉ có trí chứng. Ba câu sau phi hữu vi để hiển bày chân như. Kinh Niết-bàn nói không có nhân duyên nên gọi không sanh do vô vi đây gọi là không xuất, không tạo nghiệp nên gọi là vô tác, đây gọi là chẳng khởi, thể không phải nhân duyên sanh, chẳng phải thể trước có từ nơi khác mới xuất, cũng chẳng phải từ nghiệp mới tác khởi.

- Kinh: “Không danh cho đến không chướng”.

- Tán: Ở đây có ba loại: Hai câu đầu lia tướng thuyên chỉ để hiển bày chân, không danh không tướng. Kế một câu lia vọng pháp để hiển chân, không vọng tướng năng thủ sở thủ. Bốn câu sau nêu thể mẫu nhiệm để hiển chân. Kinh Đại Phẩm nói vượt cả ba đời nên vô lượng, vượt cả mười phương nên không biên, lia hoặc chướng phẩm gọi là vô ngại, lia sở trì chướng phẩm gọi là không chướng. Trong đây tổng hiển pháp tánh chân như, là như thật tướng không cõi chấp nhân pháp, cũng chẳng phải thể y tha điền đảo, thể tánh thường trú chẳng phải đặc hai thứ đặc. Cho nên, chỉ nội trí chứng chẳng phải nhân duyên tạo, lia danh

liã nghĩa liã năng sở chấp, chẳng phải ba đời mười phương nhiếp không có hoặc trí hai chương, nên dùng lý này mà quán chân tánh, Tức trước nói: Ở nơi pháp không phân biệt mà quán các pháp như thật tướng. Hoặc ba câu đầu hiển Ngã như thật tánh cho nên Đại tự tại, kế ba câu hiển bày Thường không tiến thoái; kế bảy câu hiển lạc vô sanh, kế năm câu hiển Tịnh ly vọng ba đời mười phương cho đến Do đối hai tánh nên thành bốn đức. Hoặc sáu câu đầu nêu cảnh Không hành, kế năm câu cảnh Vô tướng hành, bảy câu sau là cảnh Vô nguyện hành. Đồng quán chân như khởi ba quán.

- Kinh: “Chỉ do nhân duyên mà có cho đến cho nên nói”

- Tán: Đây là Hữu quán. Trên quán tất cả pháp chân không để khởi ưa thích, đây quán tất cả pháp vọng có mà sanh nhàm chán, chỉ quán ba cõi năm đường từ sanh tất cả pháp cảnh đều tác quán do nhân duyên mà có, từ hai chương đảo hoặc bốn, bảy đảo hoặc tâm loạn đảo cho nên nói là hữu quán vi, chẳng phải chân thật có mà sanh tâm nhàm chán liã bỏ. Kinh Nhân Vương chép: Thế giới hư huyền khởi, thí như hoa đốm giữa hư không, như ảnh thật ra đều không có, vì nhân duyên nên giả dối có. Nhiếp luận cũng nói loạn tướng với loạn thể tương ứng, chấp nhận đó là sắc thức và cùng phi sắc thức, hoặc vô dư cũng không. Tâm gặp cảnh tục nên khởi quán này, hoặc đây giải thích phục nạn nghĩa là có người nạn vấn rằng: Nếu tánh không đây ngôn ngữ đạo đoạn vì sao lại nói là không? Do đối đãi từ kia điên đảo sanh, luống dối cho rằng có pháp nói là tánh không, chẳng phải thể của không là có hữu không cũng không. Vì thế Trung luận chép: “Nếu có đối tượng “bất không” tương ứng thì phải có đối tượng “không”. Đối tượng “Không” không thể đặc hướng chi đặc ở “không”. Do đó, tức trả lời không cũng chẳng có thể, đây là dựa theo ba luận chẳng phải Trung đạo tông. Lại có chỗ giải rằng: Đây do đối đãi vọng chấp có pháp từ điên đảo sanh cho nên nói là không, chẳng phải không nhất định không. Nói nhân duyên: Là nhân do dựa vào duyên mà có. Kinh Vô Cấu Xứng nói: Nói pháp phi hữu cũng phi vô tất cả đều đối đãi nhân duyên lập, ý đây nói chân không phải thể thật không có, nhưng chẳng phải thể nhất định không, chỉ vì trừ bệnh kia mà chẳng trừ pháp này.

- Kinh: “Thường ưa quán sát pháp tướng như thế cho đến chỗ gần gũi thứ hai”.

- Tán: Đây là kết.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến và trụ gần gũi xứ”.

- Tán: hai mươi bảy hàng rưỡi tụng, chia làm có hai: hai mươi ba

hàng đầu tụng hai xứ trước, bốn hàng rưỡi sau tụng đắc quả an lạc. Phần đầu lại có hai: hai mươi một hàng rưỡi tụng khuyến thị, hai hàng rưỡi tụng hai xứ trước. Đây là một hàng rưỡi đầu.

- Kinh: “Thường xa rời vua chúa cho đến đều chớ có thân gần”.

- Tán: hai mươi một hàng rưỡi tụng hai xứ chia làm ba: mười ba hàng rưỡi tụng về hai xứ thuộc pháp hữu của cảnh ngoài người, kế hai hàng rưỡi tụng về hành xứ thuộc pháp nội hữu và không, năm hàng rưỡi sau tụng chân pháp cảnh ngoài gần gũi xứ. Trong văn xuôi đầu tiên là vọng hữu, bên ngoài sau quán chân không bên ngoài. Đây tụng đầu là ngoại vọng gần gũi xứ, tiếp mới nêu nội hành xứ, sau tụng cảnh ngoài chân pháp gần gũi xứ. Tạm xem thế văn thấy hai hàng đầu tụng hành xứ cận xứ, và văn cùng kết cả hai. Nhưng phần đầu văn tụng không thấy văn nói hành xứ, chỉ dùng tụng nói ở đây ác duyên không có tâm sợ hãi, không có tâm mong cầu mà vì nói pháp, nghĩa do nhu hòa và thiện thuận cho đến mới không sợ hãi không mong cầu gọi là hành xứ. Cho nên văn song nêu, thật ra chỉ cận xứ.

Mười ba hàng rưỡi tụng ngoại gần gũi xứ trong đó có hai: Mười hai hàng rưỡi tụng cận xứ, một hàng tụng kết. Mười hai hàng rưỡi lại chia có hai: sáu hàng rưỡi tụng là năm duyên, sáu hàng tụng là bốn duyên, không tụng tán loạn duyên. Sáu hàng rưỡi đầu lại chia làm hai, bốn hàng rưỡi tụng là, hai hàng sau tụng không là. Bốn hàng rưỡi một hàng rưỡi tụng là bốn duyên: Tồn hại, Hoại loạn, Ác duyên. Ác kiến. ba hàng tụng là một duyên, nghĩa là bạn xấu kém. Trước khai sau hợp cũng chẳng thứ lớp tụng.

- Kinh: “Nếu những hạng người đó cho đến mà vì chúng nói pháp”.

- Tán: Tụng không là. Do quán không hữu để tâm du hành nghĩ ngợi nên không còn sợ cho đến gọi là hành xứ.

- Kinh: “Những gái góa gái trinh cho đến phải một lòng niệm Phật”.

- Tán: Đây sáu hàng tụng là bốn chỗ:

1. Nhiễm lâu.
2. không phải pháp khí.
3. Không phải phép tắc.
4. Hiềm trách.

Văn chia làm năm: một hàng tụng hai duyên: Nhiễm lâu và không phải pháp khí. hai hàng tụng lại ác nghiệp. một hàng tụng lại duyên hoại loạn nhiễm lâu; một hàng tụng duyên không phép tắc. một hàng

tụng hiêm trách. Làm: năm nhà là xóm, năm xóm là làng, tức hai mươi lăm nhà ở. Phương ở trong một làng.

Pháp khát thực có mười ba thứ:

1. Trụ chánh giới.
2. Trụ chánh oai nghi.
3. Trụ chánh niệm.
4. Trụ chánh kiến.
5. Y pháp.
6. Y thời.
7. Y xứ.
8. Y thứ.
9. Lìa tham.
10. Lìa chấp trước.
11. Lìa sân não.
12. Lìa thô tháo.
13. Lìa tâm kiêu mạn.

Trong đây bốn trụ đầu chánh khát thật, kế bốn trụ phép tắc, năm trụ sau xả phiền não.

Như Kinh nói rộng: khát thật làm hai việc:

1. Vì tự giúp mình hành chánh đạo.
2. Vì lợi sanh đầy đủ pháp bố thí xả.

Người nhận, người cho đều thành lục độ do đó hành khát thật. Kinh Anh lạc nói khát thật làm mười hai việc Kinh Bảo Vân nói: Hễ xin được gì đều chia làm bốn phần: một phần như cho người đồng phạm hạnh, một phần như thí cho kẻ ăn xin nghèo một phần đem thí cho chúng sanh dưới nước trên đất liền, còn một phần tự ăn. Nhưng dùng một phần ăn cúng dường Chư Phật và các hiền thánh, song sau tự ăn phải nhớ tưởng ăn, như ăn thịt trứng ở đồng hoang v.v... nguyện được pháp thân lìa các lỗi lầm, nhớ Báo ân thí chủ tưởng ăn như vậy. Lại như Kinh Vô Cấu Xứng nói Đại Ca-Diếp hỏi bệnh tật Vô cấu chỉ bày.

- Kinh: “Đây gọi tên là cho đến có thể an vui nói”.

- Tán: Đây kết không sợ hãi gọi là hành xứ, lìa duyên ác bên ngoài gọi là cận xứ.

- Kinh: “Lại cũng chẳng vin theo cho đến hành xứ của Bồ-tát”.

- Tán: Ở đây tụng hữu không pháp hành xứ, trước tụng pháp không, sau một hàng rưỡi tụng sanh không. Trước nói hai xứ tức hữu quán, tụng lại không tụng trụ nhẫn nhục cho đến.

- Kinh: “Tất cả các pháp cho đến đó gọi là cận xứ”.

- Tán: Ở đây năm hàng rưỡi tụng chân pháp gần gũi xứ bên ngoài chia làm ba: một hàng rưỡi đầu tụng trong mười tám câu: Sanh pháp hai không lia hữu vi vô vi, kế hai hàng tụng như núi Tu-di tâm định; sau hai hàng tụng lẫn lộn các câu, tùy thích ứng như nghĩa nên biết.

- Kinh: “Nếu có vị Tỳ-kheo cho đến không có lòng e sợ”.

- Tán: Đây bốn hàng rưỡi tụng nêu quả an lạc chia làm hai: một hàng rưỡi nêu, ba hàng sau tụng giải thích. Là lỗi lầm sai trái do đó không e sợ.

- Kinh: “Văn-thù -sư -lợi này cho đến giảng nói Kinh Pháp Hoa”.

- Tán: Đây là kết.

- Kinh: “Lại Văn-thù-sư -lợi cho đến hạnh an lạc”.

- Tán: Thứ hai chánh ngữ có ba phần: 1. Nêu khuyên. 2. chỉ bày riêng, sau năm hàng tụng hiển bày quả an vui, đây là phần đầu.

- Kinh: “Hoặc miệng giảng nói cho đến tốt xấu hay dở của người khác”.

- Tán: Dưới chỉ bày riêng, Văn xuôi có hai: Trước lia ác sau tu thiện: “Khéo tu tâm an lạc như thế cho đến” Trước lia bầy ác đây tức bốn ác đầu. Luận Trí độ nói: tướng Thiện nhân không tự khen chê mình không khen chê người. Hoặc người chê pháp như: Kinh Bách Dụ nói: Có hai người con rửa chân cho cha v.v... mà chê bai lẫn nhau khiến chân cha bị gãy.

- Kinh: “Đối với Thanh-văn cho đến chẳng sanh tâm oán hiềm”.

- Tán: Đây lia ba lỗi. Chẳng những chỉ lia lời nói ác như vậy mà phải thuận theo nói kinh. Dưới đều y cứ theo đây biết nói thiện cũng vậy.

- Kinh: “Vì khéo tu như thế cho đến đắc nhất thiết chủng trí”.

- Tán: Đây tu thiện có ba:

1. Thuận ý vì nói.

2. Điều dùng Đại thừa.

3. Khiến đắc chủng trí.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến tùy chỗ hỏi mà nói”.

- Tán: Dưới mười sáu hàng rưỡi tụng chia làm hai: mười một hàng rưỡi tụng văn trước, năm hàng tụng quả an lạc. Tụng trước chia làm tám văn có hai: một hàng tụng chỗ ngồi, một hàng rưỡi tụng nghi thức phép tắc. Mặc y mới sạch sẽ, tắm gội nên gọi là tịnh. Chánh Pháp Hoa nói mặc y phục sạch sẽ. Đây dưới lại nói trong ngoài đều sạch thơm. Có nói nói: Y mới nhuộm là sai.

- Kinh: “Nếu có vị Tỳ-kheo cho đến hòa nhã vì đó nói”.

- Tán: Nếu gặp duyên đến dung mạo hòa nhã vì đó nói.  
 - Kinh: “Nếu có người gan hỏi cho đến vào ở trong Phật đạo”.  
 - Tán: Tụng hỏi đáp. Dùng chứng đắc của mình khiến người khác được lợi ích.

- Kinh: “Trừ lòng người biếng trễ cho đến đều khiến chúng vui mừng”.

- Tán: Một hàng đầu tụng tự trừ ác nhiễm. Sau một hàng rưỡi chỉ bày lời đã nói, biếng khác là buông lung với biếng trễ.

- Kinh: “Y phục và đồ nằm cho đến là an vui cúng dường”.

- Tán: Một hàng tụng tự không mong cầu, sau một hàng rưỡi tụng dạy an tâm tưởng. Luận Trí độ nói: Đại từ thương xót vì chúng nói pháp. Không cơm áo, danh tiếng thế lực, vì đại từ bi nên tâm thanh tịnh đắc vô sanh nhẫn. Như có tụng rằng: Học rộng biện trí khéo nói năng, khéo nói các pháp chuyển tâm người, tự không như pháp làm điều bất chánh, thí như mây sấm mà không mưa, học rộng học rộng có trí tuệ, vụng về chậm chạp không khéo nói, không thể hiển phát pháp bảo tàng, thí như không sấm mà không mưa, không học vấn rộng không trí tuệ, không thể nói pháp không hạnh mầu, là pháp Sư tộ không hổ thẹn, thí như mây nhỏ không sấm mưa, học rộng trí lớn khéo nói năng, khéo nói các pháp chuyển tâm người, hành pháp tâm chánh không sợ hãi, như mây sấm lớn tuôn mưa khắp. Pháp Phật rộng lớn soi chiếu khắp, chiếu sáng Phật pháp kho trí tuệ, trì tụng giảng rộng rung chuông pháp, như thuyền Bát-nhã vượt biển khổ, cũng như ong chúa hút các vị, nói như Phật nói tùy ý Phật, giúp Phật bày pháp độ chúng sanh, Pháp Sư như thế rất khó gặp. Được vào rừng chiêm đàn mà chỉ chọn lấy lá xanh, đã vào núi báu mà lại lấy thủy tinh, có người vào trong Phật pháp mà không cầu Niết-bàn an vui, lại cầu lợi dưỡng cúng dường thì đều gọi là tự lừa dối, cho nên khiến không mong cầu mà nói pháp cho nghe.

- Kinh: “Sau khi ta diệt độ cho đến nói chẳng thể hết được”.

- Tán: Đây năm hàng tụng quả an vui chia làm ba: một hàng tụng là nêu, hai hàng tụng nói lìa ác, hai hàng tụng nói được pháp thiện.

- Kinh: “Lại Văn-thù -sư -lợi cho đến vạch tìm chỗ hay dỡ”.

- Tán: Thứ ba ý lìa các ác, tự lợi hành.

Trong văn xuôi có hai:

1. Nêu hành.

2. Nêu quả.

Nêu hành có hai: Trước dạy lìa ác, sau dạy tu thiện: “Phải ở nơi tất cả chúng sanh cho đến” Lìa ác có bốn, đây là hai phần đầu. Hành

đầu có ba đều là ý nghiệp: 1. Là ganh ghét. 2. Là siểm khúc. 3. Là cuồng trá. Đây là thứ hai, hành không sai trái nhau, dưới đều thuộc ngữ nghiệp.

- Kinh: “Nếu hàng Tỳ-kheo cho đến có sự tranh cãi”.

- Tán: Hai thứ là ác sau:

1. Không xúc não người.

2. Không hý luận.

- Kinh: “Phải ở nơi tất cả chúng sanh cho đến cũng chẳng vì nói nhiều”.

- Tán: Tu thiện có ba:

1. Tu ý nghiệp trụ trong ba tướng.

2. Tu thân nghiệp cung kính lễ bái.

3. Tu ngữ nghiệp bình đẳng nói pháp ít nói quý lời nói.

- Kinh: “Văn-thù -sư -lợi cho đến tôn trọng khen ngợi”.

- Tán: Trong quả an lạc có bốn:

1. Không não loạn.

2. Được bạn lành.

3. Được chúng lắng nghe.

4. Chuyển nhập pháp cho người.

Năm quả đây đều tương ứng với hành trước. Sự văn phiến rộng nên không nói.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến rằng người chẳng thành Phật”.

- Tán: Đây sáu hàng tụng chia làm ba: hai hàng đầu tụng là ác, kế ba hàng tu thiện, một hàng sau khuyên tu. Đây là hai hàng đầu. Đầu tụng là bảy ác, do ngay thẳng, sau tụng là ba lỗi để truyền trao. Ngụ trá tức là không thật.

- Kinh: “Phật tử đó nói pháp cho đến nói pháp không chướng ngại”.

- Tán: Đây nêu tu thiện chia làm ba: một hàng tụng chúng sanh tu bốn hành, tiếp một hàng kính Bồ-tát, sau một hàng khởi tưởng Phật như cha.

- Kinh: “Pháp thứ ba như thế cho đến vô lượng chúng cung kính”.

- Tán: Đây khuyên tu.

- Kinh: “Lại Văn-thù -sư -lợi cho đến sanh đại bi tâm”.

- Tán: Tâm tu các thiện hành lợi tha. Trong văn xuôi chia làm ba: Trước nêu hành pháp, tiếp “Văn-thù -sư -lợi vị đại Bồ-tát đó cho đến”



nêu quả an lạc, sau “ở trong vô lượng cõi...” khen ngợi kinh thù thắng mầu nhiệm. Văn đầu có hai: Trước dạy từ bi, sau dạy suy nghĩ. Đây là phần đầu. Hành pháp duyên từ muốn cho pháp lạc, cho nên đối với hàng tại gia xuất gia khởi từ tâm, đây ở trong chủng tánh Bồ-tát khởi tâm không sợ sanh tử khổ, cho nên ở trong hàng không phải Bồ-tát, nghĩa là hạng nhất Xiển-đề Nhị thừa cho đến đối với hạng nhiều sợ các khổ nên khởi bi tâm, hạnh chúng sanh duyên bi và pháp duyên bi, sự thật từ bi hai loại đều vận. Nay căn cứ tăng thượng cũng không trái nhau.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Phật tử Bồ-tát có mười thứ đại bi thường quán sát chúng sanh:

1. Quán không chỗ qui y.
2. Chạy theo tà đạo.
3. Nghèo không gốc lành.
4. Ngủ lâu trong sanh tử.
5. Hành pháp bất thiện.
6. Trói buộc ở Dục.
7. Ở trong biển sanh tử.
8. Bệnh tật lâu dài.
9. Không ưa pháp thiện.
10. Mất pháp Chư Phật.

- Kinh: “Phải nghĩ thế này cho đến không tin không hiểu”.

- Tán: Dưới dạy phải suy nghĩ có hai: Trước nghĩ hôn mê, sau nghĩ hóa đạo. Đây là nghĩ, người mất lợi được Như-lai phương tiện tùy nghi nói pháp, tức Kinh Pháp Hoa khai xưa hợp Tiểu thừa nói tam thừa, chỉ bày nay hợp Đại thừa nêu nhất thật, không gằn gũ bạn lành nên chưa hề nghe, tâm không hiểu biết không tự giác ngộ, lại không hỏi người dù có nghe cũng không tin, dù có tin cũng không hiểu đó là tướng hôn mê.

- Kinh: “Người đó dù chẳng hỏi cho đến trú trong pháp này”.

- Tán: Đây nghĩ phải hóa đạo. Nghĩa là người được hóa độ nay đầu không nghe cho đến, sau kia trú nơi cửu địa hoặc là thất địa hoặc địa phàm thánh hoặc từ địa phương nào ta thành Phật rồi sẽ dẫn dắt đó trú trong pháp Đại thừa.

- Kinh: “Văn-thù-sư -lợi cho đến không có lỗi lầm”.

- Tán: Dưới nêu quả an lạc, có hai: Đầu nói chung không lỗi là các nguy sợ, sau nêu đặc quả an lạc thù thắng. Đây nói phần đầu.

- Kinh: “Thường được hàng Tỳ-kheo cho đến đều được vui

mừng”.

- Tán: Dưới nêu đặc quả an lạc thù thắng có hai: Đầu tiên nói đặc ba đức, sau giải thích lý do. Đây là phần đầu.

1. Đặc danh lợi.
2. Các vị trời hộ vệ.
3. Vấn nạn vui mừng.

- Kinh: “Vì sao? cho đến nghe mà ủng hộ”.

- Tán: Đây là giải thích lý do. Nghĩa sâu nên Phật ủng hộ, được Phật ủng hộ nên có đặc.

- Kinh: “Văn-thù -sư -lợi cho đến thọ trì đọc tụng”.

- Tán: Dưới khen ngợi kinh thắng diệu có hai: Đầu tiên nói thắng diệu, sau là dụ hợp thành. Đây là phần đầu.

- Kinh: “Văn-thù-sư-lợi cho đến hàng phục các nước”.

- Tán: Dưới nêu dụ hợp thành có hai: Đầu dụ pháp hợp xưa trao cho quyền phượng tiện, sau dụ pháp hợp nay cho thật giáo. “Như vua Chuyển Luân thấy các binh tướng có công lớn v.v...” Văn đầu lại có hai: Dụ và hợp.

Trong dụ có năm:

1. Pháp vương thi hóa.
2. Dụ Chúng ma phản nghịch.
3. Dụ Bạc Thánh phục trừ.
4. Dụ Tùy công trao đạo.
5. Cuối cùng ban cho kinh này.

Đây là phần đầu, sức mạnh là thắng sanh tử. Luân vương có bốn như Du-già nói: Kim luân mong gió thuận hóa, Ngân luân sai khiến mới hàng, Đồng luân chấn oai mới phục, Thiết luân gắng sức đánh mới định. Pháp thân tự thọ dụng tha thọ dụng, hóa thân như thứ lớp phối hợp dụ. Nay hóa Nhị thừa đã là hóa Phật, tức chọn Thiết luân vương làm dụ, khởi binh chiến; oai thế gọi là thần thông trí tuệ, các nước là sanh tử hoặc nghiệp, hàng phục là nghĩa đoạn diệt.

- Kinh: “Mà các vua nhỏ chẳng thuận mạng lệnh”.

- Tán: Dụ Chúng ma phản nghịch. Sanh tử Phần đoạn, Biến dịch và phiền não sở tri chướng phẩm, ba thứ ma đều thị hiện thiên ma cho đến gọi là các vua nhỏ phản nghịch Phật giáo hóa khó có thể dứt trừ gọi là không thuận mạng lệnh.

- Kinh: “Bấy giờ Vua Chuyển luân cho đến đem các đạo binh qua đánh dẹp”.

- Tán: Dụ Bạc Thánh phục trừ. Voi, ngựa, xe bộ bốn thứ gọi là

các đạo binh, dụ cho Thanh-văn Duyên-giác đều có học - phàm - Thánh khiến kia phục đoạn gọi là đem binh qua đánh.

- Kinh: “Vua thấy binh chúng cho đến liền rất vui mừng”.

- Tán: Tùy công trao đạo dụ có hai: Trước mừng vui sau ban thưởng. Đây là phần đầu, trừ đoạn hoặc chương và phần đoạn sanh tử ba loại ma, chẳng bị khuấy phục thiên ma và sở tri chương phẩm ba thứ ma quân gọi là chiến có công, thuận khế hợp tâm Phật nên rất vui mừng.

- Kinh: “Tùy công ban thưởng cho đến tới nhân dân”.

- Tán: Ban thưởng có ba:

1. Nêu vô vi công đức. Trong hợp nói ban cho thành Niết-bàn.

2. Dụ nội hữu vi hành đức ngũ căn ngũ lực cho đến.

3. Dụ quả sai khác đức thiên định giải thoát cho đến như thứ lớp phối hợp kinh. Tướng chung phối hợp dụ, hoặc đoạn đức sanh không lý như ruộng vườn, chúng sanh rất ráo không là nhà, nhân trạch diệt như tụ lạc, Vô học quả mãn trạch diệt Niết-bàn như thành ấp, hổ thẹn nhân nhục là y phục, ngũ phần pháp thân, lục hằng tức là trang nghiêm thiên định giải thoát cho đến làm các thứ châu báu, thất thánh tài làm vàng bạc v.v... lục thông làm voi ngựa xe, trí sanh không làm tội lỗi sai sử hiện tiền, bát thắng xứ làm nô tỳ thắng phục sở duyên, mười biến xứ cho đến làm nhân dân ở cùng khắp mọi nơi.

- Kinh: “Chỉ có viên ngọc trong búi tóc cho đến sẽ rất kinh lạ”.

- Tán: Dụ cuối cùng ban cho Đại thừa. Viên ngọc tức Đại thừa Pháp Hoa là tâm Phật đứng đầu gìn giữ nên nói trong búi tóc. Thấy công còn kém nhỏ không dứt bốn ma của phẩm trí chương. Trước hội Pháp Hoa còn trụ, nơi quyền trí chưa vì nói đây. Quyển thuộc của vua là đại Bồ-tát, sẽ kinh lạ là thấy không thuận căn cơ mà nói pháp mâu nhiệm cho nên sanh kinh lạ.

- Kinh: “Văn-thù-sư-lợi cho đến vua của ba cõi”.

- Tán: Dưới hợp cũng có năm. Đây hợp pháp vương thí hóa.

- Kinh: “Mà các ma vương cho đến không chịu thuận phục”.

- Tán: Đây hợp chúng ma phản nghịch.

- Kinh: “Các tướng hiền Thánh của Như-lai đánh nhau với ma”.

- Tán: Đây hợp Bạc Thánh phục trừ.

- Kinh: “Những người có công cho đến khiến đều vui mừng”.

- Tán: Đây hợp tùy công trao đạo. Đầu vui mừng sau ban thưởng, Thiên định cho đến hợp dụ trung hạ hoặc tự (chữ). Thành Niết-bàn: hợp đầu hoặc tự, căn cứ trước dụ phối hợp nghĩa có thể biết.

- Kinh: “Mà chẳng nói cho nghe kinh Pháp Hoa”.

- Tán: Đây hợp cuối cùng ban cho Kinh này.

- Kinh: “Văn-thù -sư -lợi cho đến mà nay cho đó”.

- Tán: Dưới dụ pháp hợp nay thí thật giáo, có hai: Dụ đầu là pháp hợp nay ban cho thật, tức trị hạng người thứ sáu nhóm hợp công đức tăng thượng mạn, sau dụ hợp ban cho bậc nhất. Tức trong Thập Vô thượng là nói vô thượng. Văn đầu có hai: Đầu dụ sau hợp. Đây là phần đầu, các binh chúng là Thập địa Bồ-tát, thật phá bốn ma, phá phân đoạn, đã có khả năng phá bốn ma Biến dịch vì nói. Kinh Vô lượng Nghĩa cũng gọi là Diệu Pháp Liên Hoa. Bậc Thánh Nhị thừa: Tùy thích ứng, toàn phá từng phần phá phân đoạn ba ma ắt sẽ năng phá Biến dịch bốn ma, phát tâm mong cầu Đại thừa ắt sẽ phá, như quân tướng thế gian công huân nhỏ đợi thi công mà thương thưởng, ý chí anh hùng nên ban tặng thưởng cho người có ý chí hèn kém, để khuyến khích họ tiến tâm cho nên nói vì ban cho đây còn chưa nhập vị thập địa, lại giáo ban cho viên ngọc, nhập thập địa rồi phần phá Biến dịch bốn ma bèn ban cho thể viên ngọc.

- Kinh: “Đức Như-lai cũng giống như vậy cho đến cũng rất vui mừng”.

- Tán: Dưới hợp có hai: Trước vui sau ban cho. Đây là phần đầu, rõ ràng đã phá phân đoạn bốn ma lại khởi tâm Đại thừa sẽ phá Biến dịch, có công huân lớn cho nên Đức Phật hoan kỳ trao cho kinh Pháp Hoa này; chẳng phải tất cả chỉ phá phân đoạn bốn ma, không phát đại tâm sẽ phá Biến dịch bốn ma gọi là công huân lớn mà đều ban cho kinh này, hàng thú tịch Thanh-văn hưởng vắng lặng không ban cho, hàng thối tâm Hữu học cũng ban cho. Hoặc nay lại: Là căn cứ hàng thối tâm Nhị thừa Vô học đã phá phân đoạn bốn ma gọi là công huân lớn, không nói hưởng vắng lặng.

Bốn ma có hai:

1. Phân đoạn.
2. Biến dịch.

Như chương phá ma nói: Nay tùy cốt yếu, thể tánh của ba ma, phân đoạn có thể tất cả. Cõi Dục đệ lục tha hóa Thiên tử, gọi là Thiên ma, Biến dịch ba ma lý cũng có thể biết. Bát địa trở lên chư đại Bồ-tát thị hiện làm thiên ma. Nên Kinh Vô Cấu Xứng nói: Thị hiện làm ma vương, phần nhiều là Bồ-tát giải thoát bất khả tư nghì, chỉ có long tượng mới có thể đánh nhau với long tượng, như trước đã nói. Nhưng kia vị hàng phục, thời hàng phục khác nhau như lý thú số. Nay y Kinh Đại Tập nói: biết khổ đoạn tập chứng diệt tu đạo, như thứ lớp năng hoại

uẩn. Phiền não, tử, và cùng thiên ma. Lại nữa quán hữu lậu, đều là khổ các hành vô thường, các hành vô ngã Niết-bàn tịch tĩnh, như thứ lớp phá uẩn, phiền não, tử và thiên ma. Lại nữa, quán không, vô tướng, vô nguyện, đủ ba thứ này rồi hồi hướng Bồ-đề, như thứ lớp hoại bốn thứ. Lại nữa quán thân thọ tâm pháp như thứ lớp hoại bốn thứ. Luận Trí độ nói: Bồ-tát đắc đạo nên phá ma phiền não, được thân pháp tánh, nên phá uẩn ma, đắc đạo và thân pháp tánh nên phá tử ma, thường nhất tâm nhập Tam-muội bất động nên phá thiên ma.

- Kinh: “Kinh Pháp Hoa này cho đến mà nay nói đó”.

- Tán: Đây là nói ban cho. Kinh này là nhân Phật, bị nhiều người oán ghét chê bai mà nay ban cho như cỏi viên ngọc ban cho.

- Kinh: “Văn-thù -sư -lợi cho đến mà nay mới cho đó”.

- Tán: Đây dụ hợp với đệ nhất, tức nói vô thượng, có hai: Một là: Lý Sở thuyên đầu tiên nên đắc vô thượng.

- Kinh: “Văn-thù-sư-lợi cho đến mà bày nói”.

- Tán: Hai là giáo năng thuyên đầu tiên cho nên vô thượng.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến kinh của Phật khen ngợi”.

- Tán: Hợp đầu mười bốn hàng rưỡi tụng hành thứ tư, trong đó chia làm hai: bốn hàng đầu tụng hạnh an lạc, mười hàng rưỡi tụng kinh Thắng đức. Bốn hàng đầu có hai: một hàng tụng nói chung, sau ba hàng tụng riêng. Đây là một hàng đầu. Ai là từ, mẫn là bi.

- Kinh: “Đời mạt pháp về sau cho đến làm cho trí trong đó”.

- Tán: Đây ba hàng tụng riêng: một hàng một câu tụng khởi từ bi, một hàng ba câu khởi tư niệm.

- Kinh: “Thí như vua sức mạnh cho đến lấy viên ngọc ban cho”.

- Tán: Dưới mười hàng rưỡi tụng kinh Thắng diệu trong đó có hai: bốn hàng đầu tụng dụ, sáu hàng rưỡi sau tụng về hợp. Đây là hàng đầu. Trước ba hàng tụng dụ cho quyền, sau một hàng tụng dụ cho thật. Quyền có ba dụ: 1. Vua. 2. Công. 3. Ban cho.

- Kinh: “Như-lai cũng như vậy cho đến nói các kinh điển đó”.

- Tán: Dưới sáu hàng rưỡi tụng hợp trong đó có hai: ba hàng rưỡi tụng hợp trước quyền, sau ba hàng tụng nay thật. ba hàng rưỡi đầu, nay cũng chỉ có ba: một hàng rưỡi tụng về pháp vương, một hàng tụng về công, một hàng tụng ban cho. Nói các kinh điển đó, là nói kinh này hợp với trước đã nói.

- Kinh: “Đã biết loài chúng sanh cho đến vì các thầy mà nói”.

- Tán: Nay hợp đây thật, có hai: một hàng rưỡi tụng hợp nay thật, một hàng rưỡi tụng hợp cho bậc nhất.

- Kinh: “Sau khi ta diệt độ cho đến bốn pháp trên như thế”.
- Tán: Đây đoạn thứ ba kết thành bốn hạnh.
- Kinh: “Người đọc tụng kinh này cho đến như mặt trời chói sáng”.
- Tán: Dưới hai mươi mốt hàng rười tụng đoạn thứ hai nêu thông quả an lạc, trong đó có ba: bốn hàng rười đầu tụng nêu quả thức tỉnh, kế mười sáu hàng tụng nêu quả trong mộng, sau một hàng kết quả trước. Đây là phần đầu: một hàng rười tụng tự thể không có sáu điều ác, một hàng tụng chúng sanh kính mộ các vị trời nên làm tội lỗi, một hàng tụng ba ác bên ngoài không xâm tổn, một hàng tụng trí tuệ thông minh không sợ sệt.
- Kinh: “Nếu ở trong chiêm bao cho đến mà vì chúng nói pháp”.
- Tán: Dưới nêu quả trong mộng có năm, đây là hai văn đầu. một hàng rười tụng thấy Phật, một hàng rười tụng thấy tự nói pháp.
- Kinh: “Lại thấy các Đức Phật cho đến chấp tay nghe nói pháp”.
- Tán: Đây sáu hàng rười tụng thấy Phật thọ ký chia làm bốn: một hàng rười tụng thấy Phật nói pháp. hai hàng tụng thân xứ chứng ngộ, một hàng tụng nêu thọ ký, hai hàng tụng chánh thọ ký.
- Kinh: “Lại thấy tự thân mình cho đến thường có mộng tốt đó”.
- Tán: Đây hai hàng rười tụng thấy thân tịch tịnh tu hành thấy Phật.
- Kinh: “Lại mộng làm vua chúa cho đến như khói hết đèn tắt”.
- Tán: Đây bốn hàng tụng thấy thân xả tục thành đạo phân bốn:

---

một hàng tụng thấy tu hành, một hàng tụng thành đạo, một hàng rưỡi tụng nói về lợi sanh, nửa hàng tụng nói về nhập diệt.

- Kinh: “Nếu trong đời ác sau cho đến các công đức như trên” cho đến.

- Tán: Đây kết quả trước.

Ngày 21 tháng 12 Niên hiệu Bảo An năm thứ 3 ở chùa Hưng Phước Viên Như Phòng kiểm duyệt xong, tặng Giác Ấn ở chùa Pháp Long vì muốn chánh pháp tồn tại lâu dài vãng sanh Cực Lạc.

